

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 01/2022/LĐ-GĐT

Ngày: 13/12/2022

V/v “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:*

Chánh án – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Châu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Tô Chánh Trung

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hữu Bằng, Thẩm Tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án lao động về “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Bà Trương Thị S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 1076 K1, phường K2, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2/ Bị đơn:** Viện T Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 159 K3, Phường K4, Quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn Bà Trương Thị S trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Bà Trương Thị S được tuyển dụng và thử việc tại Phòng Kế hoạch Tổng hợp của Viện T Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết là Viện T) từ ngày 15/8/2000. Từ ngày 15/10/2000 đến ngày 15/01/2003, bà và Viện T nhiều lần ký hợp đồng lao động xác định thời hạn. Đến ngày 16/01/2003, bà và Viện T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Ngày 02/01/2019, bà nhận được Thông báo số 199/TB-VYTCC-TCHC ngày 28/12/2018 của Viện T về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà kể từ ngày 11/3/2019 do không có vị trí việc làm.

Các ngày 25/01/2019 và 31/01/2019, bà được mời làm việc với Ban chấp hành Công đoàn và Viện T về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Bà có nguyện vọng làm việc và trình bày năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác nhưng Viện T vẫn ban hành Quyết định số 128/QĐ-VYTCC ngày 05/3/2019 để chấm dứt hợp đồng lao động với bà kể từ ngày 11/3/2019.

Bà Trương Thị S khởi kiện yêu cầu: Viện T nhận bà trở lại làm việc; Thanh toán tiền lương từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021 (26 tháng), bồi thường 02 tháng tiền lương với tổng cộng số tiền là 450.268.000 đồng và yêu cầu Viện T phải tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021.

*Bị đơn Viện T Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết là Viện T) trình bày:*

Viện T thống nhất với trình bày của Bà S về việc ký kết hợp đồng lao động, thời gian làm việc, thời gian nghỉ việc.

Viện T là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ M, mọi hoạt động bao, gồm việc tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, các khoản kinh phí bao gồm trả lương cho cán bộ viên chức người lao động,... đều phải tuân thủ chủ trương chung và Đề án vị trí việc làm (đã được Bộ Trưởng Bộ M phê duyệt) của Viện T. Viện không thể ký kết hợp đồng, trả lương cho người không đáp ứng điều kiện chuyên môn theo vị trí đề án việc làm đã được phê duyệt. Bà S không đáp ứng điều kiện chuyên môn Đề án vị trí việc làm đã được Bộ Trưởng Bộ M phê duyệt và theo các Công văn số 865/BYT-TCCB ngày 28/02/2017 của Bộ M về việc “thực hiện Công văn Số 30/VPCP-TCCV ngày 04/01/2017 của Văn phòng Chính phủ về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc bộ, ngành, địa phương và đơn vị” và Công văn số 154/BYT-TCCB ngày 10/01/2018 của Bộ M về “hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc bộ, ngành, địa phương và đơn vị”. Vì vậy, Viện T chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S là đúng chủ trương của Bộ M.

Bà S có ý kiến giải quyết chế độ thôi việc theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ hợp đồng của một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Sau khi kiểm tra thì Bà S không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định 68 nên Viện T giải quyết cho Bà S thôi việc theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính

sách tinh giản biên chế. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S, Viện T đã giải quyết các chế độ chính sách cho Bà S theo quy định của pháp luật và đã hỗ trợ thêm số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, Viện T không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Bà S.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 12/2021/LĐ-ST ngày 27/5/2021, Tòa án nhân dân Quận K5, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị S.*

*Buộc Viện T có trách nhiệm thanh toán cho Bà S số tiền 238.013.440 đồng, trong đó gồm số tiền lương 221.007.480 đồng (tính từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021) và bồi thường 02 tháng tiền lương 17.005.960 đồng.*

*Buộc Viện T tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho Bà S kể từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 03/6/2021, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà S.

Ngày 11/6/2021, Bà S kháng cáo bản án theo hướng buộc trả lương và các khoản bảo hiểm đến thời điểm nhận bà trở lại làm việc.

Tại Bản án lao động phúc thẩm số 738/2021/LĐ-PT ngày 29/12/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

*Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thị S về việc buộc Viện T nhận Bà S trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 09 ngày 16/01/2003.*

*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị S, buộc Viện T công cộng Thành phố Hồ Chí Minh:*

*Trả cho Bà S tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021 số tiền 153.103.542 đồng.*

*Bồi thường cho Bà S 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động số 09 ngày 16/01/2003 số tiền 11.890.200 đồng.*

*Tổng số tiền Viện T phải trả cho Bà S là 176.883.942 đồng.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc, án phí, quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 01/3/2022, Viện T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định số 02/2022/KN-LĐ ngày 16/9/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, sửa Bản án lao động phúc thẩm số 738/2021/LĐ-PT ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Bà Trương Thị S ký hợp đồng thử việc và bắt đầu làm việc tại Phòng Kế hoạch Tổng hợp thuộc Viện T từ ngày 15/8/2000. Từ ngày 15/10/2000, hai bên ký hợp đồng lao động có thời hạn, công việc của Bà S thực hiện theo sự phân công của Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp và Trưởng Khoa Vệ sinh môi trường. Ngày 16/01/2003, hai bên ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Trong quá trình làm việc, Bà Trương Thị S được Viện T cử đi tham gia kỳ thi tuyển viên chức vào các năm 2005 và 2007 nhưng không trúng tuyển.

Căn cứ Công văn số 154/BYT-TCCB ngày 10/01/2018 của Bộ M. Ngày 05/3/2018, Viện T ban hành Kế hoạch số 42/KH-VYTCC về việc giải quyết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ; theo kế hoạch này, phương án, giải pháp thực hiện đối với Bà S là “chấm dứt hợp đồng lao động vì không có vị trí việc làm”.

Ngày 28/12/2018, Viện T ban hành Thông báo số 199/TB-VYTCC-TCHC về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S kể từ ngày 11/3/2019 do không có vị trí việc làm. Ngày 02/01/2019, Bà S nhận thông báo nhưng không ký biên bản nhận.

Ngày 25/01/2019 và ngày 31/01/2019, Ban chấp hành Công đoàn và Viện T đã họp với Bà S để giải quyết khiếu nại của Bà S liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động nhưng các bên không thống nhất được với nhau. Tuy Biên bản các cuộc họp chỉ có chủ trì và thư ký cuộc họp ký tên nhưng Bà S thừa nhận có tham dự, có ý kiến tại các cuộc họp này.

Ngày 05/3/2019, Viện T ban hành Quyết định số 128/QĐ-VYTCC chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S kể từ ngày 11/3/2019.

[2] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 09/12/2015, Đề án vị trí việc làm của Viện T được Bộ Trưởng Bộ M phê duyệt. Đề án này được xây dựng cụ thể, chi tiết các yêu cầu về nhân sự, về chuyên môn nghiệp vụ... và

có hiệu lực thi hành tại Viện T công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/01/2018, Bộ M ban hành Công văn số 154/BYT-TCCB về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan đơn vị trực thuộc. Công văn có nội dung cụ thể hóa chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ: “Các Vụ, Cục, Tổng Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ có kế hoạch và giải pháp để giải quyết dứt điểm số lượng lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ không đúng quy định trước 01/7/2018”.

Căn cứ Công văn số 154/BYT-TCCB ngày 10/01/2018 của Bộ M, ngày 05/3/2018, Viện T ban hành Kế hoạch số 42/KH-VYTCC về việc giải quyết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ và đã phổ biến công khai trong Viện T. Theo bản kế hoạch này, phương án, giải pháp thực hiện đối với Bà S là “chấm dứt hợp đồng lao động vì không có vị trí việc làm”. Từ khi Kế hoạch số 42/KH-VYTCC được công bố, Bà S và những người lao động khác không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì. Đến ngày 28/12/2018, khi Viện T ban hành thông báo số 199/TB-VYTCC-TCHC về việc chấm dứt hợp đồng lao động thì Bà S mới có ký kiến phản đối.

Như vậy, Viện T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S là trường hợp bắt buộc phải chấp hành chủ trương chung của Bộ chủ quản (là Bộ M) mà Viện T là đơn vị phụ thuộc, và phải chấp hành theo Đề án vị trí việc làm đã được Bộ Trưởng Bộ M phê duyệt, tức là thuộc trường hợp người sử dụng lao động phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động vì lý do bất khả kháng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Viện T áp dụng chấm dứt hợp đồng lao động đối với Bà S trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ là không chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định Viện T chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S là thực hiện theo chủ trương chung của Bộ M, nhưng lại nhận định thêm là: “... Về trình tự, thủ tục Viện T chấm dứt hợp đồng lao động với Bà S là chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 và không thuộc trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế nên có cơ sở xác định Viện T đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bà S là trái pháp luật...” là tự mâu thuẫn. Vì điều cho rằng Viện T chấm dứt hợp đồng lao động đối với Bà S là trái pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm buộc Viện T phải bồi thường cho Bà S là không đúng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;*

1/ Chấp nhận kháng nghị số 02/2022/KN-LĐ ngày 16/9/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa Bản án lao động phúc thẩm số 738/2021/LĐ-PT ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1.1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị S về việc buộc Viện T Thành phố Hồ Chí Minh nhận Bà Trương Thị S trở lại làm việc theo hợp đồng lao động số 09 ngày 16/01/2003, trả cho Bà Trương Thị S tiền lương những ngày không được làm việc, bồi thường 02 tháng tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho Bà S từ ngày 11/3/2019 đến ngày 11/5/2021.

1.2/ Án phí: Bà Trương Thị S và Viện T Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Bà Trương Thị S và Viện T Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Quyết định thi hành án số 554/QĐ-CCTHADS và Quyết định thi hành án số 555/QĐ-CCTHADS cùng ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận K5, thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho Viện T Thành phố Hồ Chí Minh 5.006.518 đồng tiền án phí sơ thẩm đã nộp theo Quyết định thi hành án số 554/QĐ-CCTHADS ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận K5, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Chánh án;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- TAND Quận K5;
- Chi cục THADS Quận K5;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKT III, HS; THS (THB).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Châu**